

CÔNG TY CỔ PHẦN LỆ NINH  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2018

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	2 – 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 – 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH	
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 – 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 – 25

**CÔNG TY CỔ PHẦN LỆ NINH**

Tổ dân phố 2C, thị trấn Lệ Ninh, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình

---

**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Lệ Ninh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

**TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Lệ Ninh tiền thân là công ty TNHH do Nhà nước sở hữu 100% vốn được chuyển đổi thành công ty cổ phần theo Quyết định 3778/QĐ-UBND ngày 28/12/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình. Công ty chính thức hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 9 số 3100114609 ngày 01/10/2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Bình cấp.

Trụ sở chính: Tổ dân phố 2C, thị trấn Lệ Ninh, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình.

Các đơn vị hạch toán phụ thuộc:

- Xí nghiệp chăn nuôi lợn;
- Nhà máy chế biến thức ăn chăn nuôi;
- Nhà máy chế biến phân bón.

Lĩnh vực và ngành nghề kinh doanh chính

- Trồng cây cao su (Chi tiết: Tư vấn khảo sát, thiết kế, lập dự toán và dự án đầu tư, thẩm định dự án đầu tư, thẩm định thiết kế kỹ thuật – dự toán, giám sát thi công công trình trồng, chăm sóc, khai thác cây cao su);
- Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ (Chi tiết: Sản xuất chế biến phân bón hữu cơ sinh học);
- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản (Chi tiết: Sản xuất chế biến thức ăn chăn nuôi, lương thực);
- Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ (Chi tiết: Cưa xẻ và chế biến gỗ cao su, gỗ thông và cây rừng trồng);
- Sản xuất và khai thác cây cao su, chế biến sản phẩm mủ cao su;
- Chăn nuôi lợn siêu nạc và cung cấp con giống trên địa bàn;

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Các thành viên Hội đồng Quản trị đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm:

Ông Nguyễn Ngọc Sơn	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Lê Thanh Hùng	Thành viên
Ông Nguyễn Mậu Hào	Thành viên
Bà Hoàng Thị Phương	Thành viên
Ông Trần Công Văn	Thành viên

**BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm:

Ông Lê Thanh Hùng	Giám đốc
Ông Trần Công Văn	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Mậu Hào	Phó Giám đốc

**BAN KIỂM SOÁT**

Ông Lê Hồng Sơn	Trưởng ban kiểm soát
Bà Nguyễn Thị Liên	Thành viên
Bà Võ Thị Thắm	Thành viên

**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP THEO)**

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**

Bà Hoàng Thị Phương

Kế toán trưởng

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Tư vấn và Kiểm toán Quốc tế.

**TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Hội đồng Quản trị Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Hội đồng Quản trị được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Hội đồng Quản trị xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Hội đồng Quản trị Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Hội đồng Quản trị cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện cho Hội đồng Quản trị,

---

**Nguyễn Ngọc Sơn**

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Quảng Bình, ngày 25 tháng 03 năm 2019

Số. /2019/TC-AC

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

*Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018  
của Công ty Cổ phần Lệ Ninh*

**Kính gửi:**      **Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
CÔNG TY CỔ PHẦN LỆ NINH**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Lệ Ninh, được trình bày từ trang 6 đến trang 25 kèm theo, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản Thuyết minh báo cáo tài chính.

### **Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị**

Hội đồng Quản trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực, hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Hội đồng Quản trị cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)**  
*Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018*  
*của Công ty Cổ phần Lệ Ninh*

**Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Báo cáo tài chính cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01/10/2017 đến ngày 31/12/2017 đã được kiểm toán, tuy nhiên còn chứa đựng ý kiến kiểm toán ngoại trừ. Chúng tôi đã thực hiện các thủ tục kiểm toán để đánh giá ảnh hưởng của chúng đến các chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 nhưng vẫn không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng thích hợp. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến về ảnh hưởng của chúng đến các chỉ tiêu trình bày trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 của Công ty.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Lệ Ninh tại ngày 31/12/2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Vấn đề khác**

Ngày 04/06/2018 và 02/10/2018 UBCKNN lần lượt có công văn số 3509/UBCK-GSĐC và công văn 6774/UBCK-GSĐC chấp thuận hồ sơ đăng ký công ty đại chúng của Công ty, đồng thời yêu cầu Công ty đăng ký giao dịch chứng khoán trên hệ thống sàn giao dịch UpCom. Tuy nhiên, Công ty vẫn chưa hoàn thành xong các thủ tục cần thiết để niêm yết trên sàn theo đúng quy định của pháp luật hiện hành tại Điểm a, Khoản 2, Điều 3 Thông tư số 180/2015/TT-BTC ngày 13/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về đăng ký giao dịch chứng khoán trên hệ thống giao dịch chứng khoán.

---

**Nguyễn Bá An**

**Giám đốc**

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 1645-2018-202-1

Thay mặt và đại diện cho

**CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ KIỂM TOÁN QUỐC TẾ (AC)**

*Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2019*

---

**Nguyễn Tiến Dũng**

**Kiểm toán viên**

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 2554-2018-202-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31/12/2018

**MẪU B 01-DN**  
ĐVT: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>20.563.530.386</b>	<b>20.213.120.736</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>4.805.187.183</b>	<b>4.748.720.892</b>
1. Tiền	111	V.1	1.333.525.683	745.573.392
2. Các khoản tương đương tiền	112		3.471.661.500	4.003.147.500
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>9.082.422.936</b>	<b>4.288.177.209</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2a	3.481.433.527	2.192.216.703
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		4.598.477.960	723.540.664
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.3a	1.105.605.958	1.372.419.842
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(103.094.509)	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.4</b>	<b>6.675.920.267</b>	<b>11.157.762.197</b>
1. Hàng tồn kho	141		6.675.920.267	11.157.762.197
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		-	<b>18.460.438</b>
3. Thuế và các khoản khác phải thu NN	153	V.10b	-	18.460.438
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>181.238.409.837</b>	<b>162.092.651.337</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>191.289.351</b>	<b>191.178.298</b>
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		191.289.351	191.178.298
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>44.118.689.824</b>	<b>52.618.642.136</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.5	43.604.065.021	52.083.432.341
- Nguyên giá	222		112.867.113.380	136.918.271.920
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(69.263.048.359)	(84.834.839.579)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.6	514.624.803	535.209.795
- Nguyên giá	228		983.481.771	983.481.771
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(468.856.968)	(448.271.976)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>V.7</b>	<b>136.178.968.180</b>	<b>107.603.625.411</b>
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		136.178.968.180	107.603.625.411
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>749.462.482</b>	<b>1.679.205.492</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8	749.462.482	1.679.205.492
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>201.801.940.223</b>	<b>182.305.772.073</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

Tại ngày 31/12/2018

**Mẫu B 01-DN**

*DVT: VND*

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>116.169.418.927</b>	<b>98.417.502.869</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>36.136.926.927</b>	<b>30.700.010.869</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.9a	8.053.465.704	5.170.224.314
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		189.168.278	3.635.428.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.10a	417.704.376	210.253.461
4. Phải trả người lao động	314		5.715.401.039	3.862.214.815
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.11a	-	6.367.804
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.12a	3.707.200.657	3.503.998.918
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.13a	17.847.257.628	13.880.996.653
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		206.729.245	430.526.904
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>80.032.492.000</b>	<b>67.717.492.000</b>
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.12b	8.100.000	8.100.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.13b	80.024.392.000	67.709.392.000
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>85.632.521.296</b>	<b>83.888.269.204</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.14</b>	<b>83.651.040.137</b>	<b>82.608.491.074</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		82.300.670.000	82.300.670.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		82.300.670.000	82.300.670.000
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		42.680.000	42.680.000
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.307.690.137	265.141.074
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	265.141.074
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.307.690.137	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>1.981.481.159</b>	<b>1.279.778.130</b>
1. Nguồn kinh phí	431		768.032.700	1.279.778.130
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		1.213.448.459	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>201.801.940.223</b>	<b>182.305.772.073</b>

**Nguyễn Ngọc Sơn**

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Quảng Bình, ngày 25 tháng 03 năm 2019

**Hoàng Thị Phương**

Kế toán trưởng

**Nguyễn Thị Liên**

Người lập



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

**MẪU B 02-DN**

*ĐVT: VND*

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018	Giai đoạn từ 01/10/2017 đến 31/12/2017
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VL1a	45.447.239.436	9.013.699.676
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		45.447.239.436	9.013.699.676
4. Giá vốn hàng bán	11	VL2	42.432.594.175	7.170.132.444
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		3.014.645.261	1.843.567.232
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VL3	295.935.743	51.798.479
7. Chi phí tài chính	22	VL4	945.694.924	121.685.829
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		945.694.924	121.685.829
8. Chi phí bán hàng	25		395.051.844	101.933.999
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		4.373.331.457	901.520.856
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(2.403.497.221)	770.225.027
11. Thu nhập khác	31	VL5	6.477.654.426	328.330.595
12. Chi phí khác	32	VL6	2.407.221.479	29.385.536
13. Lợi nhuận khác	40		4.070.432.947	298.945.059
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.666.935.726	1.069.170.086
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VL7	359.245.589	215.569.694
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1.307.690.137	853.600.392
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		159	104
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71		159	104

**Nguyễn Ngọc Sơn**

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Quảng Bình, ngày 25 tháng 03 năm 2019

**Hoàng Thị Phương**

Kế toán trưởng

**Nguyễn Thị Liên**

Người lập

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp trực tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

**MẪU B 03-DN**  
ĐVT: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018	Giai đoạn từ 01/10/2017 đến 31/12/2017
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1		40.222.468.396	10.579.841.577
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	2		(29.587.527.453)	(9.520.179.232)
3. Tiền chi trả cho người lao động	3		(22.165.294.091)	(6.016.743.577)
4. Tiền lãi vay đã trả	4		(945.694.924)	(396.716.425)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	5		(414.796.777)	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6		14.345.570.225	2.876.360.220
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7		(12.839.638.524)	(5.357.944.047)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(11.384.913.148)</b>	<b>(7.835.381.484)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(5.135.706.226)	(1.536.301.949)
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(153.110.602)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		152.999.549	46.100.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được	27		295.935.743	43.810.332
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(4.839.881.536)</b>	<b>(1.446.391.617)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
3. Tiền thu từ đi vay	33		34.933.062.605	10.195.130.060
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(18.651.801.630)	(5.407.294.349)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>16.281.260.975</b>	<b>4.787.835.711</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>56.466.291</b>	<b>(4.493.937.390)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>4.748.720.892</b>	<b>9.242.658.282</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>		<b>4.805.187.183</b>	<b>4.748.720.892</b>

Nguyễn Ngọc Sơn  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị  
Quảng Bình, ngày 25 tháng 03 năm 2019

Hoàng Thị Phương  
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Liên  
Người lập

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Mẫu B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Lệ Ninh tiền thân là doanh nghiệp Nhà nước sở hữu 100% vốn được chuyển đổi thành công ty cổ phần theo Quyết định 3778/QĐ-UBND ngày 28/12/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình. Công ty chính thức hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 9 số 3100114609 ngày 01/10/2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Bình cấp.

Trụ sở chính: Tổ dân phố 2C, thị trấn Lệ Ninh, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình.

Các đơn vị hạch toán phụ thuộc:

- Xí nghiệp chăn nuôi lợn;
- Nhà máy chế biến thức ăn chăn nuôi (Từ ngày 01/04/2016 sáp nhập vào xí nghiệp chăn nuôi lợn);
- Nhà máy chế biến phân bón.

**Lĩnh vực và ngành nghề kinh doanh**

- Trồng cây cao su (Chi tiết: Tư vấn khảo sát, thiết kế, lập dự toán và dự án đầu tư, thẩm định dự án đầu tư, thẩm định thiết kế kỹ thuật – dự toán, giám sát thi công công trình trồng, chăm sóc, khai thác cây cao su);
- Khách sạn;
- Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan (Chi tiết: Kinh doanh xăng dầu);
- Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ (Chi tiết: Sản xuất chế biến phân bón hữu cơ sinh học);
- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản (Chi tiết: Sản xuất chế biến thức ăn chăn nuôi, lương thực);
- Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ (Chi tiết: Cưa xẻ và chế biến gỗ cao su, gỗ thông và cây rừng trồng);
- Sản xuất và khai thác cây cao su, chế biến sản phẩm mủ cao su;
- Chăn nuôi lợn siêu nạc và cung cấp con giống trên địa bàn;
- Sản xuất và tiêu thụ nước lọc tinh khiết, nước đá sạch;
- Cho thuê phòng làm việc, nhà nghỉ;
- Chế biến thịt gia súc đông lạnh và dịch vụ vận tải;
- Khai thác và kinh doanh các loại vật liệu xây dựng;
- Mua bán các mặt hàng nông sản, công nghệ phẩm.

**II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**Kỳ kế toán**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12.

**Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Báo cáo tài chính này sử dụng đơn vị tiền tệ Việt Nam Đồng (VND).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư 53/2016/TT-BTC của Bộ Tài Chính ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014.

**Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Công ty đã tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này.

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Hội đồng Quản trị phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính (kỳ hoạt động). Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền**

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi**

Các khoản phải thu bao gồm phải thu từ khách hàng và các khoản phải thu khác được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ và dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua-bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ ba tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự, cụ thể:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

**Nguyên tắc kế toán tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<b>Năm 2018</b>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 25 năm
Máy móc, thiết bị	5 – 10 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 – 10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 10 năm
Vườn cây lâu năm, súc vật làm việc	4 – 15 năm

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Công ty là toàn bộ chi phí phát sinh trong việc trồng mới các vườn cao su chưa đủ điều kiện đưa vào khai thác

**Các khoản chi phí trả trước**

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

**Các khoản phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

**Nguyên tắc ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi, lãi cho vay được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được hạch toán là chi phí hoạt động trong năm phát sinh, trừ trường hợp được vốn hóa.

Chi phí đi vay được vốn hóa khi khoản vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản. Chi phí đi vay phát sinh sẽ được vốn hóa vào nguyên giá tài sản hình thành. Chi phí đi vay sẽ được tạm dừng vốn hóa khi quá trình đầu tư, xây dựng tài sản bị gián đoạn không cần thiết. Việc vốn hóa sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc đưa tài sản vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**Thuế**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập DN hiện hành và thuế thu nhập DN hoãn lại.

***Thuế thu nhập hiện hành***

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

***Thuế thu nhập hoãn lại***

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi tăng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - + Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - + Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**1. Tiền**

	<b>31/12/2018</b>	<b>01/01/2018</b>
Tiền mặt	273.922.506	54.947.323
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.059.603.177	690.626.069
<b>Cộng</b>	<b>1.333.525.683</b>	<b>745.573.392</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**2. Phải thu khách hàng**

	<b>31/12/2018</b>	<b>01/01/2018</b>
<b>a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn</b>	<b>3.481.433.527</b>	<b>2.192.216.703</b>
- Công ty TNHH thương mại và dịch vụ chế biến gỗ Nhật Quang	1.091.262.577	1.629.018.023
- Doanh nghiệp cao su Thanh Long	313.750.000	313.750.000
- Nhà máy chế biến gỗ xuất khẩu Phú Quý	92.773.440	92.773.440
- Công ty sản xuất nguyên liệu giấy Việt Nhật	905.475.001	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	1.078.172.509	156.675.240
<b>b. Các khoản phải thu khách hàng dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b>3.481.433.527</b>	<b>2.192.216.703</b>

**3. Phải thu khác**

	<b>31/12/2018</b>		<b>01/01/2018</b>	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>1.105.605.958</b>	<b>-</b>	<b>1.372.419.842</b>	<b>-</b>
- Phải thu tạm ứng người lao động	162.498.500	-	456.858.860	-
- Ký cược, ký quỹ	6.060.010	-	6.060.010	-
- Phải thu khác	937.047.448	-	909.500.972	-
<b>b. Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b>1.105.605.958</b>	<b>-</b>	<b>1.372.419.842</b>	<b>-</b>

**4. Hàng tồn kho**

	<b>31/12/2018</b>		<b>01/01/2018</b>	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	627.838.333	-	954.326.738	-
Công cụ, dụng cụ	548.324.210	-	367.775.301	-
Chi phí sản xuất KD dở dang	151.623.138	-	1.733.095.055	-
Thành phẩm	5.348.134.586	-	8.102.565.103	-
<b>Cộng</b>	<b>6.675.920.267</b>	<b>-</b>	<b>11.157.762.197</b>	<b>-</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN LỆ NINH**

Tổ dân phố 2C, thị trấn Lệ Ninh,  
Huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính  
kết thúc tại ngày 31/12/2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****Mẫu B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**5. Tài sản cố định hữu hình**

<b>Khoản mục</b>	<b>Nhà cửa, vật kiến trúc</b>	<b>Máy móc, thiết bị</b>	<b>Phương tiện vận tải</b>	<b>Thiết bị dụng cụ quản lý</b>	<b>Vườn cây lâu năm</b>	<b>TSCĐ hữu hình khác</b>	<b>Tổng cộng</b>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>							
Tại ngày 01/01/2018	61.892.064.388	19.136.906.900	3.764.674.508	529.154.545	51.459.520.779	135.950.800	136.918.271.920
- Mua trong năm	-	1.225.403.300	-	-	-	-	1.225.403.300
- Đầu tư XDCB hoàn thành	586.336.450	-	-	-	-	-	586.336.450
- Thanh lý, nhượng bán	(15.548.866.697)	(5.388.314.404)	-	-	(4.925.717.189)	-	(25.862.898.290)
Tại ngày 31/12/2018	46.929.534.141	14.973.995.796	3.764.674.508	529.154.545	46.533.803.590	135.950.800	112.867.113.380
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>							
Tại ngày 01/01/2018	35.939.418.000	13.399.738.279	2.550.407.701	429.408.821	32.379.915.978	135.950.800	84.834.839.579
- Khấu hao trong năm	2.893.606.349	1.064.692.741	269.456.139	31.032.973	1.287.442.599	-	5.546.230.801
- Thanh lý, nhượng bán	(11.796.947.556)	(5.066.996.898)	-	-	(4.254.077.567)	-	(21.118.022.021)
Tại ngày 31/12/2018	27.036.076.793	9.397.434.122	2.819.863.840	460.441.794	29.413.281.010	135.950.800	69.263.048.359
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>							
<b>Tại ngày 01/01/2018</b>	<b>25.952.646.388</b>	<b>5.737.168.621</b>	<b>1.214.266.807</b>	<b>99.745.724</b>	<b>19.079.604.801</b>	<b>-</b>	<b>52.083.432.341</b>
<b>Tại ngày 31/12/2018</b>	<b>19.893.457.348</b>	<b>5.576.561.674</b>	<b>944.810.668</b>	<b>68.712.751</b>	<b>17.120.522.580</b>	<b>-</b>	<b>43.604.065.021</b>

Tổng nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2018 là 15.728.801.315 đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN LỆ NINH**

Tổ dân phố 2C, thị trấn Lệ Ninh,  
Huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính  
kết thúc tại ngày 31/12/2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**6. Tài sản cố định vô hình**

<b>Khoản mục</b>	<b>Quyền sử dụng đất</b>	<b>Phần mềm máy vi tính</b>	<b>TSCĐ vô hình khác</b>	<b>Tổng cộng</b>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Tại ngày 01/01/2018	689.597.236	167.520.900	126.363.635	983.481.771
Tại ngày 31/12/2018	689.597.236	167.520.900	126.363.635	983.481.771
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
Tại ngày 01/01/2018	154.387.441	167.520.900	126.363.635	448.271.976
- Khấu hao trong năm	20.584.992	-	-	20.584.992
Tại ngày 31/12/2018	174.972.433	167.520.900	126.363.635	468.856.968
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
<b>Tại ngày 01/01/2018</b>	<b>535.209.795</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>535.209.795</b>
<b>Tại ngày 31/12/2018</b>	<b>514.624.803</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>514.624.803</b>

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã hết khấu hao nhưng còn sử dụng đến 31/12/2018 là 293.884.535 đồng.

**7. Tài sản dở dang dài hạn**

Giá trị tài sản dở dang dài hạn tại ngày 31/12/2018 chủ yếu là chi phí xây dựng cơ bản dở dang của giá trị vườn cây cao su kiến thiết cơ bản (chiếm khoảng 95%). Vườn cây cao su kiến thiết cơ bản là các vườn cây cao su đang trong quá trình chăm sóc, chưa đủ điều kiện khai thác.

**8. Chi phí trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn tại ngày 31/12/2018 bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ chờ phân bổ và chi phí trả trước dài hạn khác chờ phân bổ.

**CÔNG TY CỔ PHẦN LỆ NINH**

Tổ dân phố 2C, thị trấn Lệ Ninh,  
Huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính  
kết thúc tại ngày 31/12/2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**9. Phải trả người bán**

	<b>31/12/2018</b>		<b>01/01/2018</b>	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a. Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>8.053.465.704</b>	<b>8.053.465.704</b>	<b>5.170.224.314</b>	<b>5.170.224.314</b>
- Công ty cổ phần vật tư nông nghiệp Quảng Bình	2.810.697.700	2.810.697.700	1.502.352.500	1.502.352.500
- Doanh nghiệp tư nhân kinh doanh vàng Ngọc Phương	959.721.924	959.721.924	448.147.275	448.147.275
- Trung tâm nghiên cứu phát triển cao su Tiểu Điền	-	-	646.349.000	646.349.000
- Công ty TNHH MTV Quế Lâm Miền Trung	837.500.000	837.500.000	1.049.600.000	1.049.600.000
- Công ty Cổ phần phân vi sinh Quảng Trị	-	-	157.250.000	157.250.000
- Các khoản phải trả khác	3.445.546.080	3.445.546.080	1.366.525.539	1.366.525.539
<b>b. Các khoản phải trả người bán dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b>8.053.465.704</b>	<b>8.053.465.704</b>	<b>5.170.224.314</b>	<b>5.170.224.314</b>

**10. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước**

	<b>01/01/2018</b>		<b>31/12/2018</b>	
	Phải nộp/thu trong năm	Đã thực nộp/thu trong năm	Phải nộp/thu trong năm	Đã thực nộp/thu trong năm
<b>a. Phải nộp</b>	<b>210.253.461</b>	<b>2.116.617.333</b>	<b>1.909.166.418</b>	<b>417.704.376</b>
Thuế GTGT	-	1.223.310.218	1.008.920.089	214.390.129
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	208.908.410	359.245.589	414.796.777	153.357.222
Thuế Thu nhập cá nhân	595.051	62.525.645	14.253.671	48.867.025
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	271.169.467	271.169.467	-
Thuế tài nguyên	750.000	11.040.000	10.700.000	1.090.000
Thuế khác	-	189.326.414	189.326.414	-
<b>Cộng</b>	<b>210.253.461</b>	<b>2.116.617.333</b>	<b>1.909.166.418</b>	<b>417.704.376</b>
<b>b. Phải thu</b>	<b>18.460.438</b>	<b>-</b>	<b>18.460.438</b>	<b>-</b>
Thuế GTGT	18.460.438	-	18.460.438	-
<b>Cộng</b>	<b>18.460.438</b>	<b>-</b>	<b>18.460.438</b>	<b>-</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**CÔNG TY CỔ PHẦN LỆ NINH**

Tổ dân phố 2C, thị trấn Lệ Ninh,  
huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc tại  
ngày 31/12/2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**11. Chi phí phải trả**

	<b>31/12/2018</b>	<b>01/01/2018</b>
<b>a. Ngắn hạn</b>	-	<b>6.367.804</b>
- Chi phí phải trả khác	-	6.367.804
<b>Cộng</b>	-	<b>6.367.804</b>

**12. Phải trả khác**

	<b>31/12/2018</b>	<b>01/01/2018</b>
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>3.707.200.657</b>	<b>3.503.998.918</b>
- Kinh phí công đoàn	223.174.562	19.841.495
- Bảo hiểm xã hội	-	4.170.932
- Bảo hiểm y tế	-	12.271.753
- Phải trả tài sản chờ thanh lý khi cổ phần hóa cho công ty mua bán nợ	1.501.498.992	1.265.719.346
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	198.000.000	-
- Các khoản phải trả khác	1.784.527.103	2.201.995.392
<b>b. Dài hạn</b>	<b>8.100.000</b>	<b>8.100.000</b>
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	8.100.000	8.100.000
- Các khoản phải trả khác	-	-
<b>c. Số nợ quá hạn chưa thanh toán</b>	-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN LỆ NINH**

Tổ dân phố 2C, thị trấn Lệ Ninh,  
Huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính  
kết thúc tại ngày 31/12/2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**13. Vay và nợ thuê tài chính**

	31/12/2018		Trong năm		01/01/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a. Vay ngắn hạn</b>	<b>17.847.257.628</b>	<b>17.847.257.628</b>	<b>22.618.062.605</b>	<b>18.651.801.630</b>	<b>13.880.996.653</b>	<b>13.880.996.653</b>
- Ngân hàng NN & PTNT Việt Nam - CN Quảng Bình (i)	17.847.257.628	17.847.257.628	22.618.062.605	18.651.801.630	13.880.996.653	13.880.996.653
<b>b. Vay dài hạn</b>	<b>80.024.392.000</b>	<b>80.024.392.000</b>	<b>10.315.000.000</b>	<b>-</b>	<b>67.709.392.000</b>	<b>67.709.392.000</b>
- Ngân hàng NN & PTNT Việt Nam - CN Quảng Bình (ii)	18.549.805.000	18.549.805.000	2.000.000.000	-	16.549.805.000	16.549.805.000
- Kho bạc Nhà nước tỉnh Quảng Bình	459.587.000	459.587.000	-	-	459.587.000	459.587.000
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam - CN Quảng Bình (iii)	60.700.000.000	60.700.000.000	10.000.000.000	-	50.700.000.000	50.700.000.000
- Vay cá nhân (iv)	315.000.000	315.000.000	315.000.000	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>97.871.649.628</b>	<b>97.871.649.628</b>	<b>34.933.062.605</b>	<b>18.651.801.630</b>	<b>81.590.388.653</b>	<b>81.590.388.653</b>

(i) Đây là các khoản vay ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Quảng Bình theo hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 43/2018/HĐTD ngày 09/03/2018. Hợp đồng sửa đổi, bổ sung HĐTD số 222-3/2018/HĐSĐBS ngày 21/11/2018 về việc sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 43/2018/HĐTD ngày 09/03/2018, chi tiết hợp đồng:

- Tổng mức cấp tín dụng: 25.000.000.000 đồng;
- Thời hạn hiệu lực của hạn mức cấp tín dụng: 12 tháng, kể từ ngày 09/03/2018 đến ngày 08/03/2019;
- Mục đích vay vốn: Thanh toán chi phí chăn nuôi, trồng trọt, chế biến, dịch vụ và chi phí khác phục vụ sản xuất kinh doanh theo kế hoạch kinh doanh.
- Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm ký hợp đồng cấp tín dụng là 7%/năm; Lãi suất cho vay cụ thể của mỗi lần giải ngân do hai bên thỏa thuận và được ghi trên từng Giấy nhận nợ;

(ii) Khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 518/2011/HĐTD ngày 22/12/2011: Hạn mức vay 4,2 tỷ đồng, thời hạn 60 tháng; Lãi suất theo từng lần nhận nợ.

Hợp đồng tín dụng số 99/2016/HĐTD ngày 01/09/2016 giữa Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam Chi nhánh tỉnh Quảng Bình và Công ty TNHH MTV Lệ Ninh – Quảng Bình, Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 222-1/2018/HĐSĐBS ngày 21/11/2018 về việc sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 99/2016/HĐTD ngày 01/09/2016, theo đó:

- Số tiền cho vay tối đa: 22.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Hai mươi hai tỷ đồng chẵn);

**CÔNG TY CỔ PHẦN LỆ NINH**

Tổ dân phố 2C, thị trấn Lệ Ninh,  
Huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính  
kết thúc tại ngày 31/12/2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

- Mục đích sử dụng tiền vay: Thanh toán các chi phí chăm sóc vườn cây cao su theo dự án Chăm sóc cao su kiến thiết cơ bản giai đoạn 2016 – 2020 của Công ty TNHH MTV Lệ Ninh – Quảng Bình;
  - Thời hạn cho vay: 120 tháng, kể từ ngày 01/09/2016 đến hết ngày 01/09/2026;
  - Trả nợ gốc : 6 tháng/ lần;
  - Lãi suất cho vay: Tại thời điểm ký hợp đồng sửa đổi bổ sung số 222-1/2018/HĐSDDBS ngày 21/11/2018 là 9,5%/ năm. Lãi suất cho vay cụ thể của mỗi lần giải ngân do hai bên thỏa thuận và được ghi trên từng Giấy nhận nợ;
- (iii) Đây là số dư khoản gốc vay đã được giải ngân theo khế ước nhận nợ từ Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Quảng Bình dựa trên hợp đồng tín dụng đầu tư của Nhà nước số 05/2014/HĐTDĐT-NHPT ngày 22/08/2014, theo đó:
- Tổng mức tín dụng được cấp: 81.602,79 triệu đồng;
  - Mục đích vay vốn: Tiền vay được sử dụng để thực hiện trồng mới và chăm sóc 450ha cao su của Dự án trồng mới và chăm sóc cao su kiến thiết cơ bản theo Quyết định phê duyệt điều chỉnh Dự án số 541/QĐ/CTLN ngày 28/04/2014 của Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty TNHH MTV Lệ Ninh – Quảng Bình.
  - Lãi suất vay cụ thể căn cứ theo khế ước nhận nợ từng lần;
  - Thời điểm bắt đầu trả lãi, trả nợ gốc: Trả nợ gốc sau 7 năm kể từ ngày ký kết hợp đồng này, lãi vay trả hàng tháng và được tính bắt đầu kể từ khi phát sinh dư nợ vay.
- (iv) Vay cá nhân là các khoản vay của Người lao động với thời hạn trên 1 năm, lãi suất được xác định trên cơ sở lãi suất cho vay của ngân hàng mà Công ty giao dịch.

**14. Vốn chủ sở hữu****Bảng đối chiếu vốn chủ sở hữu**

Khoản mục	Vốn góp của Chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
<b>Tại ngày 01/01/2018</b>	<b>82.300.670.000</b>	<b>42.680.000</b>	<b>265.141.074</b>	<b>82.608.491.074</b>
Lãi trong giai đoạn	-	-	1.307.690.137	1.307.690.137
Giảm khác (*)	-	-	(265.141.074)	(265.141.074)
<b>Tại ngày 31/12/2018</b>	<b>82.300.670.000</b>	<b>42.680.000</b>	<b>1.307.690.137</b>	<b>83.651.040.137</b>

(\*) Giảm khác là khoản lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2017, Công ty đang tạm phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi.

**CÔNG TY CỔ PHẦN LỆ NINH**

Tổ dân phố 2C, thị trấn Lệ Ninh,  
Huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính  
kết thúc tại ngày 31/12/2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu tại ngày 31/12/2018**

	<b>31/12/2018</b>
Vốn Nhà nước	74.683.670.000
Công đoàn Công ty	473.000.000
Cán bộ, công nhân viên	7.134.000.000
Cổ đông khác	10.000.000
<b>Cộng</b>	<b>82.300.670.000</b>

**Cổ phiếu**

	<b>31/12/2018</b>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.230.067
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	8.230.067
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	8.230.067
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.230.067
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	8.230.067

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành là 10.000 đồng/cổ phiếu.

**CÔNG TY CỔ PHẦN LỆ NINH**

Tổ dân phố 2C, thị trấn Lệ Ninh,  
Huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính  
kết thúc tại ngày 31/12/2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<b>Năm 2018</b>	<b>Giai đoạn từ 01/10/2017 đến 31/12/2017</b>
<b>a. Doanh thu</b>	<b>45.447.239.436</b>	<b>9.013.699.676</b>
- Doanh thu bán thành phẩm	42.515.259.204	8.936.514.889
- Doanh thu hoạt động khác	2.931.980.232	77.184.787
<b>b. Doanh thu đối với các bên liên quan</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**2. Giá vốn hàng bán**

	<b>Năm 2018</b>	<b>Giai đoạn từ 01/10/2017 đến 31/12/2017</b>
Giá vốn thành phẩm đã bán	40.568.471.546	7.108.734.221
Giá vốn hoạt động khác	1.864.122.629	61.398.223
<b>Cộng</b>	<b>42.432.594.175</b>	<b>7.170.132.444</b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>Năm 2018</b>	<b>Giai đoạn từ 01/10/2017 đến 31/12/2017</b>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	295.935.743	51.798.479
<b>Cộng</b>	<b>295.935.743</b>	<b>51.798.479</b>

**4. Chi phí tài chính**

	<b>Năm 2018</b>	<b>Giai đoạn từ 01/10/2017 đến 31/12/2017</b>
Lãi tiền vay	945.694.924	121.685.829
<b>Cộng</b>	<b>945.694.924</b>	<b>121.685.829</b>

**5. Thu nhập khác**

	<b>Năm 2018</b>	<b>Giai đoạn từ 01/10/2017 đến 31/12/2017</b>
Thanh lý, nhượng bán Tài sản cố định	-	189.877.019
- Thu thanh lý tài sản cố định	-	347.331.600
- Chi phí thanh lý tài sản cố định	-	157.454.581
Các khoản thu nhập khác	6.477.654.426	138.453.576
<b>Cộng</b>	<b>6.477.654.426</b>	<b>328.330.595</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN LỆ NINH**

Tổ dân phố 2C, thị trấn Lệ Ninh,  
Huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính  
kết thúc tại ngày 31/12/2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**6. Chi phí khác**

	<b>Năm 2018</b>	<b>Giai đoạn từ 01/10/2017 đến 31/12/2017</b>
Thanh lý, nhượng bán Tài sản cố định	2.173.499.455	-
- Thu thanh lý tài sản cố định	2.825.852.433	-
- Chi phí thanh lý tài sản cố định	4.999.351.888	-
Các khoản chi phí khác	233.722.024	29.385.536
<b>Cộng</b>	<b>2.407.221.479</b>	<b>29.385.536</b>

**7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	<b>Năm 2018</b>
- Lợi nhuận kế toán trước thuế	1.666.935.726
- Chi phí không được trừ	129.292.219
- Thu nhập tính thuế	1.796.227.945
- Thuế suất thuế TNDN	20%
- <b>Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>359.245.589</b>

**8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	<b>Năm 2018</b>	<b>Giai đoạn từ 01/10/2017 đến 31/12/2017</b>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ	43.675.794.463	10.722.948.372
Chi phí nhân công	17.368.530.826	3.774.713.002
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.477.263.503	1.551.133.539
Chi phí bằng tiền khác	6.354.794.502	2.146.997.162
<b>Cộng</b>	<b>72.876.383.294</b>	<b>18.195.792.075</b>

**VII. THÔNG TIN KHÁC****1. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh được lấy từ Báo cáo tài chính cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01/10/2017 đến ngày 31/12/2017 của Công ty Cổ phần Lệ Ninh, đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Tư vấn và Kiểm toán Quốc tế. Do Công ty Cổ phần Lệ Ninh bắt đầu hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần kể từ ngày 01/10/2017. Vì vậy, khi lấy thông tin so sánh chúng tôi khuyến nghị người đọc cần có những đánh giá phù hợp để có thể mang lại kết quả so sánh phản ánh chính xác nhất có thể.

**2. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán và cho tới thời điểm lập Báo cáo tài chính này được cho là có ảnh hưởng trọng yếu tới Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

**3.****4. Thông tin về việc điều chỉnh giảm vốn điều lệ**

Công ty Cổ phần Lệ Ninh được chuyển đổi từ Công ty TNHH một thành viên 100% vốn Nhà nước, bắt đầu hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần từ ngày 01/10/2017 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3100114609, thay đổi lần thứ 9 ngày 01/10/2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Bình cấp. Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 9 của Công ty là 94.570.660.000 đồng. Tuy nhiên, trong năm 2018 căn cứ Công văn số 982/STC-TCDN ngày 03/04/2018 và Công văn số 1258/STC-TCDN ngày 20/04/2018 của

**CÔNG TY CỔ PHẦN LỆ NINH**

Tổ dân phố 2C, thị trấn Lệ Ninh,  
Huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính  
kết thúc tại ngày 31/12/2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

Sở Tài Chính tỉnh Quảng Bình, UBND tỉnh Quảng Bình đã có công văn số 647/UBND-KT ngày 04/05/2018 về việc đồng ý phê duyệt cho phép Công ty Cổ phần Lệ Ninh giảm vốn điều lệ tại ngày 01/10/2017 theo ý kiến đề xuất của Sở Tài Chính tỉnh Quảng Bình từ 94.570.660.000 đồng xuống còn 82.300.670.000 đồng (công văn được đính kèm theo báo cáo). Theo đó, Công ty đã thực hiện ghi nhận giá trị vốn điều lệ tại ngày 01/10/2017 theo văn bản phê duyệt ngày 04/05/2018 của UBND tỉnh Quảng Bình nêu trên tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

**5. Bên liên quan****Giao dịch với bên liên quan**

Không có giao dịch với bên liên quan phát sinh trong năm.

**Lương, thưởng và thu lao của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc

**Năm 2018**

1.688.540.300 đồng

\_\_\_\_\_  
**Nguyễn Ngọc Sơn**

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Quảng Bình, ngày 25 tháng 03 năm 2019

\_\_\_\_\_  
**Hoàng Thị Phương**

Kế toán trưởng

\_\_\_\_\_  
**Nguyễn Thị Liên**

Người lập